Mẫu số 38-DS
Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-DS	*Mường Ảng, ngày 31 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-TCDS ngày 18 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1973.
Nơi cư trú: Đội X, thôn D, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người được chị Trần Thị N ủy quyền: Bà Mai Thị H1, sinh năm 1960.
Nơi cư trú: TDP Z, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị H.
Nơi cư trú: TDP Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trịnh Thị H công nhận nợ chị Trần Thị N số tiền gốc là 250.000.000[đ] (Hai trăm năm mươi triệu đồng); số tiền lãi là: 195.000.000[đ] (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là: 445.000.000[đ] (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) do bà H mua bãi cà phê của chị N và chuyển thành vay nợ, đã làm hợp đồng vay tiền ngày 01/9/2012.

Bà H và bà H1 thỏa thuận bà Trịnh Thị H sẽ trả cho chị Trần Thị N số tiền cả gốc và lãi: 445.000.000[đ] (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) vào ngày15/6/2019.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Án phí: Bà Trịnh Thị H tự nguyện chịu 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Trần Thị N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng là 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AB/2010/01804 ngày 15 tháng 3 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- T.H.A DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương